

Bản án số: **130/2024/DS-ST**

Ngày: 06 - 9 - 2024.

V/v tranh chấp: “Hợp đồng góp hụi”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quang Vinh.

Ông Nguyễn Tường Bích.

- Thư ký phiên Tòa: Bà Trần Thị Thảo Nguyên – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 186/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 156/2024/QĐST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh ngày 20/3/1967 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện D, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh ngày 16/4/1966 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp K, xã L, huyện D, tỉnh Bến Tre.

Bà M có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 05/9/2024.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1961 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp K, xã L, huyện D, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/6/2022, bản tự khai ngày 20/5/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Bà có tham gia 03 dây hụi do bà M làm chủ hụi, hụi có lãi và có hoa hồng, cụ thể:

- *Dây hụi thứ nhất:* Hụi 3.000.000 đồng, mở ngày 15/01/2022 (âm lịch), có 25 phần, bà tham gia 01 phần, hụi khai mỗi tháng 01 lần vào ngày 15 hàng tháng. Sau khi tham gia bà đóng hụi sống đến tháng 02/2023 (âm lịch) được 14 phần với số tiền 27.570.000 đồng.

- *Dây hụi thứ hai:* Hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 10/11/2022 (âm lịch), có 25 phần, bà tham gia 02 phần, hụi khai mỗi tháng 02 lần vào ngày 10 và 25 hàng tháng. Sau khi tham gia bà đóng hụi sống đến tháng 02/2023 (âm lịch) được 14 phần với số tiền 20.250.000 đồng.

- *Dây hụi thứ ba:* Hụi 1.000.000 đồng, mở ngày 05/8/2022 (âm lịch), có 25 phần, bà tham gia 04 phần, hụi khai mỗi tháng 02 lần vào ngày 05 và 20 hàng tháng. Sau khi tham gia bà đóng hụi sống đến tháng 02/2023 (âm lịch) được 14 phần với số tiền 40.480.000 đồng.

Tổng cộng: ba dây hụi trên bà đã đóng cho bà M số tiền 88.300.000 đồng. Sau đó, đến tháng 3 năm 2023 bà M bẻ hụi nên không tiếp tục đóng nữa và bà M có viết giấy nhận hụi cho bà và thừa nhận có nợ bà số tiền trên.

Sau đó bà nhiều lần đến yêu cầu bà M trả số tiền vốn cho bà, nhưng bà M hứa hoài không thực hiện. Việc tham gia chơi hụi có chồng bà M biết, bà M chơi hụi nhằm mục đích phục vụ kinh tế gia đình.

Vì vậy, nay bà yêu cầu bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn H liên đới trả cho bà số tiền hụi đã đóng là 88.300.000 đồng (Tám mươi tám triệu ba trăm nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên Tòa: Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, không thay đổi gì.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/5/2024, bị đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:*

Bà thừa nhận có thiếu bà L số tiền hụi như bà L đã trình bày trong đơn kiện là 88.300.000 đồng, bà đồng ý trả, nhưng hiện nay do kinh tế đang gặp khó khăn, không thể trả ngay một lần cho bà L được, bà xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu buộc ông H phải có nghĩa vụ liên đới chịu trách nhiệm trả nợ, thì bà không đồng ý, do bà làm chủ hụi nên bà tự trả nợ, chứ ông H không có liên quan gì.

* Đối với ông Nguyễn Văn H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông H đều vắng mặt, nên không thu thập được lời khai của ông.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến:*

- *Về tuân theo pháp luật tố tụng:*

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tuân theo đúng quy định của pháp luật. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên Tòa là không thực hiện theo quy định tại Điều 70, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để buộc bà M và ông H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L số tiền nợ hui 88.300.000 đồng và ghi nhận sự tự nguyện bà L không yêu cầu tính lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về tố tụng:*

[1]. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị M có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 05/9/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử, nhưng ông vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt bà M và ông H là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Bà L có tham gia chơi hui do bà M làm chủ hui vào năm 2022 và bà M còn nợ 88.300.000 đồng cho đến nay vẫn chưa trả. Nay bà L khởi kiện yêu cầu bà M và ông H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền nợ hui là 88.300.000 đồng và không tính lãi suất. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*” theo quy định tại **Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26** của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. **Về thẩm quyền giải quyết vụ án:** Theo Đơn xin xác nhận ngày 12/6/2023 của Công an xã Phú Long, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xác nhận bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn H có đăng ký **thường trú** tại ấp Giồng Kiến, xã Phú Long, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào **điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39** của Bộ luật tố tụng dân sự, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

** Về nội dung:*

- **Xét yêu cầu khởi kiện của bà L buộc bà M và ông H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền nợ hui 88.300.000 đồng và không tính lãi suất.**

Cơ sở chứng cứ: Giấy kết nợ hui giữa bà L và bà M.

[4]. *Hội đồng xét xử xét thấy:* Theo lời khai của nguyên đơn và bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, đều xác định được giữa bà L và bà

M có giao dịch chơi hụi với nhau vào năm 2022 và số nợ sau khi hai bên kết nợ lại, hiện bà M còn nợ bà L là 88.300.000 đồng.

Bà M thừa nhận có giao dịch chơi hụi như bà L trình bày là đúng và sau khi hai bên kết nợ lại, hiện bà M còn nợ bà L là 88.300.000 đồng. Lời thừa nhận này là tự nguyện, phù hợp với lời khai của nguyên đơn và chứng cứ do nguyên đơn giao nộp có trong hồ sơ vụ án, cụ thể là “*Giấy kết nợ hụi giữa bà L và bà M*”. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và công nhận sự thật nêu trên.

Nay bà M làm chủ hụi nhưng chưa thanh toán đầy đủ cho phía bà L số tiền hụi mà bà L đã đóng khi tuyên bố bế hụi, là vi phạm nghĩa vụ của người chủ hụi theo quy định tại Điều 23 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biên, phurong, nên bà L khởi kiện yêu cầu bà M trả nợ hụi là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về lãi suất:

Bà L chỉ yêu cầu trả vốn và không yêu cầu trả lãi suất. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của bà và phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6]. Xét yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ liên đới trả nợ:

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà M thừa nhận ông H có biết bà làm chủ hụi và bà L có chơi hụi của bà, tuy nhiên không biết cụ thể bà L chơi bao nhiêu. Kinh tế chính trong gia đình, do bà buôn bán tạp hóa với làm chủ hụi, tiền đó dùng để chi tiêu sinh hoạt cả gia đình, ông H chỉ ở nhà và phụ nuôi tôm cho con, lâu lâu các con cho vài trăm ngàn xài.

Từ đó cho thấy, ông H biết việc bà M làm chủ hụi. Mặc dù, ông H và bà M hiện đã ly hôn theo Quyết định số 133/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29/6/2023 của Tòa án, nhưng việc chơi hụi vào năm 2022, thời điểm này còn trong thời kỳ hôn nhân, nên nợ chung phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, buộc ông H có nghĩa vụ liên đới trả nợ là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 27, 30, khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Xét yêu cầu xin trả dần của bà M:

Bà M xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng, do kinh tế đang gặp khó khăn không thể trả ngay một lần cho bà L được, nhưng bà L không đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy, đây là sự thỏa thuận của các đương sự tại giai đoạn thi hành án, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[8]. Đối với lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại về quan điểm giải quyết vụ án: Phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; **khoản 2 Điều 26** của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của bà L được chấp nhận toàn bộ, nên bà M và ông H phải liên đới chịu án phí của số tiền 88.300.000 đồng là:

$$88.300.000 \text{ đồng} \times 5\% = 4.415.000 \text{ đồng.}$$

Mặc dù, ông Nguyễn Văn H là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo quy định, nhưng ông H không có làm đơn đề nghị được miễn nộp tiền án phí gửi cho Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không xét miễn nộp tiền án phí cho ông H là phù hợp với quy định tại Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào **Điều 471** của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 27, 30, khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; **điểm b** khoản 2 Điều 227, **khoản 1**, khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 23 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, húì, biên, phường.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn H về việc “*Tranh chấp Hợp đồng góp hui*”.

2. Buộc bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền nợ hui là 88.300.000 đồng (Tám mươi tám triệu, ba trăm nghìn đồng).

3. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị L không yêu cầu trả lãi suất của số tiền nêu trên.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

5.1. Bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn H phải liên đới chịu án phí là 4.415.000 đồng (Bốn triệu, bốn trăm mười lăm nghìn đồng).

5.2. Bà Nguyễn Thị L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.207.500 đồng (Hai triệu, hai trăm lẻ bảy nghìn, năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0005588 ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Duyên

